

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ
vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
2. Các công tác khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng gồm:

1. Quét đường phố bằng thủ công
2. Vệ sinh mặt đường bằng máy
3. Quét hè phố bằng thủ công
4. Quét hẻm phố bằng thủ công
5. Vệ sinh thùng rác công cộng
6. Duy trì công tác vệ sinh dải phân cách bằng thủ công
7. Rửa đường bằng xe bồn 9m³
8. Rửa đường bằng xe bồn 12m³
9. Rửa vỉa hè bằng xe bồn 6m³
10. Vớt rác trên kênh, rạch bằng thủ công
11. Xúc rác tại điểm tập kết bằng cơ giới
12. Xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công

(Không thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định thu gom, vận chuyển, chuyển giao, xử lý chất thải rắn xây dựng; chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ).

13. Duy trì vệ sinh chợ

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng là mức hao phí cần thiết về lao động, máy móc, thiết bị, dụng cụ lao động, vật liệu, năng lượng,

nhiên liệu để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn trong hoạt động vệ sinh môi trường từ công tác chuẩn bị đến khi kết thúc ca làm việc theo quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế và hiệu quả nhất.

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm mã hiệu, tên định mức, đơn vị tính, thành phần định mức, bảng định mức, điều kiện áp dụng (nếu có) để thực hiện công việc.

Định mức lao động là hao phí thời gian lao động cần thiết để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn công việc vệ sinh môi trường. Định mức lao động trực tiếp bao gồm lao động tham gia trực tiếp vào thực hiện công việc.

Định mức sử dụng máy móc, thiết bị là số thời gian máy móc, thiết bị sử dụng trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn vệ sinh môi trường (không bao gồm bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị). Khấu hao tài sản cố định (máy móc, thiết bị) được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Định mức dụng cụ lao động là hao phí về dụng cụ lao động được sử dụng trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn vệ sinh môi trường trong điều kiện chuẩn.

Định mức tiêu hao vật liệu là mức tiêu hao cho từng loại vật liệu cần thiết trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn vệ sinh môi trường.

Định mức tiêu hao năng lượng là nhu cầu sử dụng điện năng trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn vệ sinh môi trường.

Định mức tiêu hao nhiên liệu là nhu cầu sử dụng nhiên liệu trực tiếp để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn vệ sinh môi trường.

Một (01) công lao động, một (01) ca làm việc, một (01) ca sử dụng máy móc, thiết bị, một (01) ca sử dụng công cụ, dụng cụ được tính bằng tám (08) giờ làm việc.

Một (01) km thực hiện công việc trong bảng định mức được tính cho một (01) km của tuyến đường (hẻm, dải phân cách).

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng được xác định trên cơ sở phù hợp với điều kiện vệ sinh môi trường thực tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định.

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng được xác định cho một (01) đơn vị tính cụ thể của mỗi công tác vệ sinh công cộng được thực hiện. Định mức về chu kỳ thực hiện công việc (số lần quét/số ngày/tuyến đường (hè, hẻm); số lần tưới/số ngày/tuyến đường (hè); số lần vớt/số ngày/ kênh (rạch),...) tùy theo điều kiện thực tế tại từng thời điểm để quy định cho phù hợp (ví dụ: vào mùa mưa, mùa khô; ngày lễ, tết; theo yêu cầu đột xuất của địa phương;...).

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng là cơ sở để xây dựng giá tối đa dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nhằm phục vụ công tác quản lý chi phí vệ sinh môi trường theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật về vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ: thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, cập nhật việc triển khai các quy định đặc điểm và định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ vệ sinh công cộng được ban hành kèm Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi hoặc điều chỉnh cho phù hợp với các quy định pháp luật, với điều kiện thực tế quản lý hoặc có sự thay đổi, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, cùng các sở, ngành liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các Đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- TT.Thành ủy, TT.HĐND TP (để b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP;
- TT. UBMTTQVN và các Đoàn thể TP;
- CT, các PCT. UBND TP;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND cấp xã;
- Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố;
- VP UBND TP (2);
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT.vk

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Chí Hùng
Trần Chí Hùng

Phụ lục
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ VỆ SINH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. Quét đường phố bằng thủ công

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển đến vị trí đầu tuyến đường theo lịch phân công thực hiện công việc quét.
- c) Thực hiện công tác quét rác dọc theo mép lề đường, chiều rộng quét từ mép trong lề ra ngoài mặt đường từ 1,5m - 2,0m.
- d) Quá trình quét, khi đủ lượng rác thì gom lại từng đồng nhỏ sát trong lề đường, đẩy xe gom rác tới, quét gom rác đổ vào xe.
- đ) Thực hiện công việc theo trình tự đến cuối tuyến và quay lại lề đối diện thực hiện công việc tương tự cho đến khi kết thúc nhiệm vụ được phân công.
- e) Di chuyển về vị trí lưu giữ công cụ, dụng cụ làm việc, kết thúc ca làm việc.

Đơn vị tính: 01km

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1001	1	Nhân công		
	1.1	Bạc 4,0/7 (nhóm II)	công	0,976
	2	Công cụ, dụng cụ		
	2.1	Chổi cọng dừa cán dài	ca	0,278
	2.2	Chổi cọng dừa cán ngắn	ca	0,278
	2.3	Ki nhựa hút rác	ca	0,278
	2.4	Xe đẩy chứa rác	ca	0,366
	2.5	Nón bảo hộ lao động	ca	0,732
	2.6	Áo phản quang	ca	0,732
	2.7	Giày vải bảo hộ lao động	ca	0,732
	2.8	Găng tay vải len	ca	0,732
	2.9	Khẩu trang	ca	0,732

2. Vệ sinh mặt đường bằng máy

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị.

b) Thiết lập rào chắn, biển báo an toàn giao thông.

c) Nhân công nhặt rác lớn phía trước của máy vét đất lề; xe vệ sinh mặt đường tiến hành vệ sinh từ mặt đường đến lề đường; Nhân công vệ sinh phần đường xe vệ sinh không thực hiện tới và vận chuyển đến điểm tập kết xúc đổ lên phương tiện vận chuyển.

d) Thu dọn rào chắn - di chuyển về nơi quy định.

Đơn vị tính: lần/1km

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1002	1	Nhân công		
	1.1	Lái xe 3/4 (nhóm II)	công	0,082
	1.1	Bạc 3,5/7 (nhóm II)	công	0,248
	2	Máy		
	2.1	Máy vệ sinh SCHWAE A4000	ca	0,082
	3	Công cụ, dụng cụ		
	3.1	Chổi cạo dĩa cán dài	ca	0,124
	3.2	Chổi cạo dĩa cán ngắn	ca	0,124
	3.3	Ki nhựa hút rác	ca	0,124
	3.4	Nón bảo hộ lao động	ca	0,330
	3.5	Áo phản quang	ca	0,330
	3.6	Giày bảo hộ lao động	ca	0,330
	3.7	Găng tay vải len	ca	0,248
	3.8	Khẩu trang	ca	0,330
	4	Nhiên liệu		
	4.1	Diesel	lít	3,188

Ghi chú:

Trị số định mức hao phí bao gồm: Nhân công, máy, công cụ - dụng cụ, nhiên liệu.

Trị số định mức hao phí trên áp dụng cho đường có hai làn xe, có hoặc không có vỉa hè và không có giải phân cách giữa, thực hiện vệ sinh mặt đường 02 vệt (mép đường bên trái và mép đường bên phải).

Khi áp dụng đối với đường có 01 dải phân cách dạng hở (không có đê móng liên tục) thực hiện vệ sinh mặt đường 03 vệt (mép đường bên trái, mép đường bên phải và 01 vệt ở giải phân cách) thì trị số định mức hao phí nhân với hệ số $K=1,5$; trường hợp đường có nhiều hơn một dải phân cách dạng hở thì từ giải phân cách dạng hở thứ hai cứ mỗi dải phân cách dạng hở được cộng thêm 0,5 vào hệ số K .

Khi áp dụng đối với đường có 01 dải phân cách dạng kín thực hiện vệ sinh mặt đường 04 vệt (mép đường bên trái, mép đường bên phải và 02 vệt ở giải phân cách) thì trị số định mức hao phí nhân với hệ số $K=2,0$; trường hợp đường có nhiều hơn một giải phân cách dạng kín thì từ dải phân cách dạng kín thứ hai cứ mỗi dải phân cách dạng kín được cộng thêm 1,0 vào hệ số K .

3. Quét hè phố bằng thủ công

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển đến vị trí đầu tuyến hè theo lịch phân công thực hiện công việc quét.
- c) Thực hiện công tác quét rác toàn bộ diện tích bề mặt hè từ đầu tuyến đến cuối tuyến, sử dụng dao sủi cỏ tại những vị trí cỏ mọc.
- d) Quá trình quét, khi đủ lượng rác thì gom lại từng đồng nhỏ, sử dụng túi nilong đựng rác đi gom rác, khi gom đủ lượng rác vào túi, chuyển túi rác vào xe đẩy, sử dụng túi khác tiếp tục đi gom rác.
- đ) Thực hiện công việc theo trình tự đến khi kết thúc nhiệm vụ được phân công.
- e) Di chuyển về vị trí lưu giữ công cụ, dụng cụ làm việc, kết thúc ca làm việc.

Đơn vị tính: 1.000m²

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1003	1	Vật liệu		
	1.1	Túi nilong đựng rác	cái	2,411
	2	Nhân công		
	2.1	Bậc 4,0/7 (nhóm II)	công	0,177
	3	Công cụ, dụng cụ		
	3.1	Chổi cọng dừa cán dài	ca	0,096
	3.2	Chổi cọng dừa cán ngắn	ca	0,096
	3.3	Ki nhựa hốt rác	ca	0,096
	3.4	Xe đẩy chứa rác	ca	0,133
	3.5	Nón bảo hộ lao động	ca	0,133
	3.6	Áo phản quang	ca	0,133
	3.7	Giày vải bảo hộ lao động	ca	0,133
	3.8	Găng tay vải len	ca	0,133
	3.9	Dao sủi cỏ	ca	0,096
	3.10	Khẩu trang	ca	0,133

4. Quét hẻm phố bằng thủ công

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động,
- b) Di chuyển đến vị trí hẻm theo lịch phân công thực hiện công việc quét vệ sinh,
- c) Thực hiện công tác quét rác dọc theo lề hẻm; gom rác lại từng đồng nhỏ, gom rác vào xe đẩy.
- d) Thực hiện công việc theo trình tự đến khi kết thúc nhiệm vụ được phân công.
- đ) Di chuyển về vị trí lưu giữ công cụ, dụng cụ làm việc, kết thúc ca làm việc.

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1004	1	Nhân công		
	1.1	Bậc 4,0/7 (nhóm II)	công	0,956
	2	Công cụ, dụng cụ		
	2.1	Chổi cọng dừa cán dài	ca	0,260
	2.2	Chổi cọng dừa cán ngắn	ca	0,260
	2.3	Ki nhựa hút rác	ca	0,260
	2.4	Xe đẩy chứa rác	ca	0,359
	2.5	Nón bảo hộ lao động	ca	0,359
	2.6	Áo phản quang	ca	0,359
	2.7	Giày vải bảo hộ lao động	ca	0,359
	2.8	Găng tay vải len	ca	0,359
	2.9	Khẩu trang	ca	0,359

5. Vệ sinh thùng rác công cộng

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, thiết bị, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển phương tiện đến vị trí tuyến đường thu gom thùng rác.
- c) Lắp đặt cảnh giới, tiến hành thu gom thùng rác lên xe; thu gom thùng rác đến khi đầy xe hoặc thu gom hết số lượng thùng theo kế hoạch vệ sinh, di chuyển xe về vị trí vệ sinh thùng rác.
- d) Pha trộn hóa chất, tiến hành vệ sinh thùng rác đảm bảo yêu cầu; Di chuyển thùng rác lên phương tiện, vận chuyển thùng rác trả lại vị trí cũ.
- đ) Kết thúc công việc, di chuyển phương tiện về vị trí cất giữ.

Đơn vị tính: 10 thùng

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1005	1	Vật liệu		
	1.1	Nước	m ³	0,3
	1.2	Hóa chất tẩy rửa, khử mùi	lít	0,034
	2	Nhân công		
	2.1	Lái xe 2/4 (nhóm II)	công	0,363
	2.2	Bạc 4,0/7 (nhóm II)	công	0,363
	3	Máy		
	3.1	Xe tải ben ≤ 2,5 tấn	ca	0,205
	3.2	Máy bơm nước 1,5hp	ca	0,067
	4	Công cụ, dụng cụ		
	4.1	Nón bảo hộ	ca	0,272
	4.2	Găng tay cao su	ca	0,272
	4.3	Ủng	ca	0,272
	4.4	Khẩu trang	ca	0,272
	4.5	Cây bàn chải cọ rửa	ca	0,067
	4.6	Chóp nhựa cảnh giới	ca	0,071
	5	Nhiên liệu		
	5.1	Dầu diesel	lít	3,895
	6	Năng lượng		
	6.1	Điện	kwh	0,201

6. Duy trì công tác vệ sinh dải phân cách bằng thủ công

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển đến vị trí tuyến đường được phân công thực hiện công việc; lắp đặt cảnh báo.
- c) Sử dụng chổi quét vệ sinh rác dọc dải phân cách, tại những vị trí đọng đất, cát sử dụng xẻng vun lại thành đống nhỏ; di chuyển xe đến vị trí xúc rác, đất, cát lên xe.
- d) Thực hiện công việc theo quy trình đến khi hoàn thành công việc được phân công.
- đ) Kết thúc công việc, di chuyển về vị trí cất giữ công cụ, dụng cụ.

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1006	1	Nhân công		
	1.1	Bậc 4,0/7 (nhóm II)	công	0,771
	2	Công cụ, dụng cụ		
	2.1	Chổi cạo dừa cán dài	ca	0,143
	2.2	Chổi cạo dừa cán ngắn	ca	0,143
	2.3	Ki nhựa hút rác	ca	0,143
	2.4	Xe đẩy chứa rác	ca	0,289
	2.5	Nón bảo hộ lao động	ca	0,579
	2.6	Áo phản quang	ca	0,579
	2.7	Giày vải bảo hộ lao động	ca	0,579
	2.8	Găng tay vải len	ca	0,579
	2.9	Chóp nhựa cảnh giới	ca	0,287
	2.10	Xẻng	ca	0,143
	2.11	Khẩu trang	ca	0,579

7. Rửa đường bằng xe bồn 9m³

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, thiết bị, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển phương tiện đến vị trí lấy nước, bơm nước đầy bồn chứa.
- c) Di chuyển phương tiện đến vị trí tuyến đường để rửa, vệ sinh; bật van xả nước, tiến hành rửa, vệ sinh; quá trình rửa đảm bảo nước được xả trên toàn bộ bề mặt diện tích tuyến đường.
- d) Kết thúc công việc, di chuyển phương tiện về vị trí cất giữ.

Đơn vị tính: 10.000 m²

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1007	1	Vật liệu		
	1.1	Nước	m ³	9,194
	2	Nhân công		
	2.1	Lái xe 3/4 (nhóm I)	công	0,186
	2.2	Bậc 4,0/7 (nhóm I)	công	0,186

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
	3	Máy		
	3.1	<i>Xe bồn 9m³</i>	<i>ca</i>	<i>0,186</i>
	3.2	<i>Máy bơm nước 2,5hp</i>	<i>ca</i>	<i>0,032</i>
	4	Nhiên liệu		
	4.1	<i>Dầu diesel</i>	<i>lít</i>	<i>5,022</i>
	5	Năng lượng		
	5.1	<i>Điện</i>	<i>kwh</i>	<i>0,160</i>

8. Rửa đường bằng xe bồn 12m³

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, thiết bị, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển phương tiện đến vị trí lấy nước, bơm nước đầy bồn chứa.
- c) Di chuyển phương tiện đến vị trí tuyến đường để rửa, vệ sinh; bật van xả nước, tiến hành rửa, vệ sinh; quá trình rửa đảm bảo nước được xả trên toàn bộ bề mặt diện tích tuyến đường.
- d) Kết thúc công việc, di chuyển phương tiện về vị trí cất giữ.

Đơn vị tính: 10.000 m²

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1008	1	Vật liệu		
	1.1	<i>Nước</i>	<i>m3</i>	<i>9,194</i>
	2	Nhân công		
	2.1	<i>Lái xe 3/4 (nhóm I)</i>	<i>công</i>	<i>0,146</i>
	2.2	<i>Bạc 4,0/7 (nhóm I)</i>	<i>công</i>	<i>0,146</i>
	3	Máy		
	3.1	<i>Xe bồn 12m³</i>	<i>ca</i>	<i>0,146</i>
	3.2	<i>Máy bơm nước 2,5hp</i>	<i>ca</i>	<i>0,034</i>
	4	Nhiên liệu		
	4.1	<i>Dầu diesel</i>	<i>lít</i>	<i>4,380</i>
	5	Năng lượng		
	5.1	<i>Điện</i>	<i>kwh</i>	<i>0,170</i>

9. Rửa hè bằng xe bồn 6m³

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, thiết bị, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển phương tiện đến vị trí lấy nước, bơm nước đầy bồn chứa; di chuyển phương tiện đến vị trí làm việc.
- c) Di chuyển phương tiện dọc tuyến hè, nhân công mở van cầm vòi xịt lên vỉa hè; quá trình rửa đảm bảo nước được xịt đều trên toàn bộ bề mặt diện tích vỉa hè.
- d) Kết thúc công việc, di chuyển phương tiện về vị trí cất giữ.

Đơn vị tính: 1.000 m²

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1009	1	Vật liệu		
	1.1	Nước	m ³	1,248
	2	Nhân công		
	2.1	Lái xe 3/4 (nhóm I)	công	0,042
	2.2	Bạc 4,0/7 (nhóm I)	công	0,042
	3	Máy		
	3.1	Xe bồn 6m ³	ca	0,042
	3.2	Máy bơm nước 2,5hp	ca	0,004
	4	Nhiên liệu		
	4.1	Dầu diesel	lít	1,008
	5	Năng lượng		
	5.1	Điện	kwh	0,020

10. Vớt rác trên kênh, rạch bằng thủ công

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động; di chuyển đến vị trí thực hiện công việc.
- b) Tại những vị trí rác tập kết (rác di chuyển theo dòng nước và bị đọng lại một số vị trí trên kênh, rạch), người lao động di chuyển xuống dưới kênh, rạch gom rác vào sọt đựng rác, người lao động phía trên kéo sọt chứa rác lên cho vào xe chứa.
- c) Thực hiện quá trình đến khi hoàn thành công việc vớt rác.
- d) Kết thúc công việc, di chuyển về vị trí cất giữ công cụ, dụng cụ.

Đơn vị tính: 1 tấn

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1010	1	Nhân công		

	1.1	Bạc 4,0/7 (nhóm II)	công	0,788
	2	Công cụ, dụng cụ		
	2.1	Ủng	ca	0,412
	2.2	Nón vải	ca	0,412
	2.3	Găng tay vải	ca	0,412
	2.4	Sọt tre đựng rác	ca	0,094
	4.5	Dây thừng 6-10m	ca	0,094
	2.6	Cào kéo rác	ca	0,094
	2.7	Khẩu trang	ca	0,412

11. Xúc rác tại điểm tập kết bằng cơ giới

Nội dung công việc:

- Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, thiết bị, trang bị bảo hộ lao động.
- Tiến hành xúc rác lên phương tiện vận chuyển rác.
- Kết thúc công việc, cất giữ công cụ, dụng cụ.

Đơn vị tính: 1 tấn

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1011	1	Nhân công		
	1.1	Bạc 4,0/7 (nhóm III)	công	0,021
	2	Máy		
	2.1	Máy xúc bánh xích, gầu 0,65 m ³	ca	0,016
	3	Công cụ, dụng cụ		
	3.1	Giày bảo hộ	ca	0,022
	3.2	Khẩu trang	ca	0,022
	4	Nhiên liệu		
	4.1	Dầu diesel	lít	0,944

12. Xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công (không thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định thu gom, vận chuyển, chuyển giao, xử lý chất thải rắn xây dựng; chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ)

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, thiết bị, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển đến vị trí làm việc; tiến hành xúc phế thải đổ lên phương tiện.
- c) Kết thúc công việc, di chuyển về vị trí cất giữ công cụ, dụng cụ.

Đơn vị tính: 1 tấn

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1012	1	Nhân công		
	1.1	Bậc 4,0/7 (nhóm I)	công	0,364
	2	Công cụ, dụng cụ		
	2.1	Xẻng	ca	0,119
	2.2	Nón bảo hộ	ca	0,364
	2.3	Gang tay vải	ca	0,364
	2.4	Khẩu trang	ca	0,364
	2.5	Rọ tre	ca	0,060
	2.6	Dao chặt cây	ca	0,060
	2.7	Búa đập	ca	0,060
	2.8	Chổi cọng dừa cán ngắn	ca	0,119
	2.9	Ki nhựa hút rác	ca	0,060
	2.10	Giày bảo hộ	ca	0,364

13. Duy trì vệ sinh chợ

Nội dung công việc:

- a) Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động.
- b) Di chuyển đến vị trí chợ theo lịch phân công; thực hiện công tác quét rác chợ (quét toàn bộ diện tích bề mặt các tuyến đường quanh chợ).
- c) Quá trình quét, gom, xúc rác vào xe đẩy.
- d) Thực hiện công việc theo trình tự đến khi kết thúc công việc được phân công.
- đ) Di chuyển về vị trí lưu giữ công cụ, dụng cụ làm việc, kết thúc ca làm việc.

Đơn vị tính: 1.000 m²

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
VS.1013	1	Nhân công		
	1.1	Bậc 4,0/7 (nhóm II)	công	0,311
	2	Công cụ, dụng cụ		

Mã hiệu	Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
	2.1	<i>Chổi cọng dừa cán dài</i>	<i>ca</i>	<i>0,182</i>
	2.2	<i>Chổi cọng dừa cán ngắn</i>	<i>ca</i>	<i>0,182</i>
	2.3	<i>Ki nhựa hút rác</i>	<i>ca</i>	<i>0,182</i>
	2.4	<i>Xe đẩy chứa rác</i>	<i>ca</i>	<i>0,233</i>
	2.5	<i>Nón bảo hộ lao động</i>	<i>ca</i>	<i>0,233</i>
	2.6	<i>Áo phản quang</i>	<i>ca</i>	<i>0,233</i>
	2.7	<i>Giày vải bảo hộ lao động</i>	<i>ca</i>	<i>0,233</i>
	2.8	<i>Găng tay vải len</i>	<i>ca</i>	<i>0,233</i>
	2.9	<i>Khẩu trang</i>	<i>ca</i>	<i>0,233</i>